

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 100/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 5 – 2025

V/v không công nhận vợ chồng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Hà Trọng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐ XXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữ a ắc ư ơ ng sự :

* **Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 20/02/1983. Địa chỉ: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thu N, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2025, Bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thu N chung sống như vợ chồng năm 2004, không đăng ký kết hôn do không có chỗ ở ổn định và thường xuyên đi làm nên không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà N không còn chung sống hơn một năm nay. Ông không còn tình cảm với bà N, không thể tiếp tục chung sống ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Huỳnh Thuận P, sinh ngày 25/10/2007 đang sống cùng ông T; Huỳnh Kim Ng, sinh ngày 07/11/2014 và Huỳnh Bảo Ng sinh ngày 15/11/2016 đang sống cùng bà N. Khi ly hôn, ông T yêu

cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Huỳnh Thuận P, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con; Tiếp tục giao hai người con chung Huỳnh Kim Ng và Huỳnh Bảo Ng cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung 2.000.000đ/tháng. Kể từ ngày 01/5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao tiền cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng.

Về Tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung cũng không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như ông T trình bày. Bà và ông T chung sống, không đăng ký kết hôn. Bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Huỳnh Thuận P, sinh ngày 25/10/2007 đang sống cùng ông T; Huỳnh Kim Ng, sinh ngày 07/11/2014 và Huỳnh Bảo Ng, sinh ngày 15/11/2016 đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà thống nhất yêu cầu của ông T, tiếp tục giao con chung Huỳnh Thuận P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà N thống nhất tiếp tục nuôi hai người con Huỳnh Kim Ng và Huỳnh Bảo Ng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Kim Ng và Huỳnh Bảo Ng, mỗi người con 2.000.000đ/tháng. Cấp dưỡng kể từ ngày 01/5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao tiền cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng.

Về Tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất xác định không có tài sản chung không có nợ chung. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thu N chung sống với nhau vào năm 2004, không đăng ký kết hôn. Ông T yêu cầu ly hôn với bà N. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là không công nhận vợ chồng theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn và nhân gia đình. Căn cứ vào quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Nguyễn Thu N, Tòa án tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập bà N tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà N chung sống có con chung nhưng không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của ông bà không hợp pháp không được pháp luật bảo vệ. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận mối quan hệ giữa ông T và bà N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông T và bà N thống nhất có ba người con chung, tiếp tục giao con chung Huỳnh Thuận P, sinh ngày 25/10/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, tiếp tục giao hai người con chung Huỳnh Kim Ng, sinh ngày 07/11/2014 và Huỳnh Bảo Ng, sinh ngày 15/11/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Kim Ng và Huỳnh Bảo Ng, mỗi người 2.000.000đ/tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Yêu

cầu này là hợp pháp và phù hợp với nguyện vọng của các người con chung, nên có căn cứ chấp nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu xem xét giải quyết. Đến nay không cá nhân, tổ chức nào yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm trả nợ của ông T và bà N. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận mối quan hệ của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thu N là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Huỳnh Thuận P, sinh ngày 25/10/2007 cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tiếp tục giao hai người con chung Huỳnh Kim Ng, sinh ngày 07/11/2014 và Huỳnh Bảo Ng, sinh ngày 15/11/2016 cho bà Nguyễn Thu N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Kim Ng và Huỳnh Bảo Ng, mỗi người 2.000.000đ/tháng. Giao tiền cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thu N có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Huỳnh Văn T phải nộp. Ngày 22/4/2025 ông Huỳnh Văn T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0010715 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu. Ông Huỳnh Văn T phải tiếp tục nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu